TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS - PT
Ngày: 14 - 01 - 2021
V/v tranh chấp nợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu
Ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại phòng xét xử án dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLPT - DS ngày 07 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp nợ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS – ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2022/2020/QĐ - PT ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Đại Đ, sinh năm 1947 và bà Lê Thị D, sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn V, xã Tr, huyện L, tỉnh Quảng Bình; ông Đ có mặt, bà D vắng mặt ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng.

- *Bị đơn:* Ông Cao Khắc L, sinh năm 1952 và bà Đinh Thị S, sinh năm 1955

Địa chỉ: Bản C, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Bùi Thị X – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D nguyên đơn trong vụ án và ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy thì nội dung vụ án như sau: Ngày 20 tháng 4 năm 2001 ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S (viết tắt là bị đơn) có vay của ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D (viết tắt là nguyên đơn) 24.500.000 đồng, hai bên thỏa thuận vay có lãi suất 2% tháng, không ấn định thời hạn vay. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm bị đơn thừa nhận còn nợ tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán từ lúc vay đến hết tháng 5 năm 2017, nguyên đơn trình bày bị đơn chưa trả góc và lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS - ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D, buộc ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Đ, bà D 122.500.000 đồng, trong đó góc 24.500.000 đồng, tiền lãi 98.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên buộc chịu lãi suất chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D kháng cáo về việc: Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc bị đơn ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S phải chịu lãi suất đối với số tiền lãi sau xét xử sơ thẩm đã làm thiệt hại cho nguyên đơn mỗi năm 9.800.000 đồng.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020 bị đơn ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S kháng cáo không chấp nhận bản án sơ thẩm vì bị đơn đã thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn từ lúc vay cho đến tháng 5 năm 2017. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận đơn kháng cáo củ a bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lại lãi suất bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Bộ Luật dân sự 1995, 2005 và 2015 và hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bị đơn. Nguyên đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên; nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 25 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án số 11/2020/DS – ST về tranh chấp nợ, ngày 07 tháng 9 năm 2020 nguyên đơn ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D làm đơn kháng cáo; ngày 09 tháng 10 năm 2020 bị đơn ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S làm đơn kháng cáo nhưng quá hạn luật định, tại Quyết định số 02/2020/QĐPT – DS ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của bị đơn. Đơn kháng của nguyên đơn, bị đơn làm đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Ngày 20 tháng 4 năm 2001 ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S có vay của ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D 24.500.000 đồng, hai bên thỏa thuận vay có lãi suất 2% tháng, không ấn định thời hạn vay. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận còn nợ tiền gốc 24.500.000 đồng, tiền lãi đã thanh toán từ lúc vay đến hết tháng 5 năm 2017 nhưng bị đơn không xuất trình được việc đã trả lãi suất cho nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ gốc và tiền tiền lãi cho nguyên đơn là có căn cứ, do đó việc bị đơn kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận.

[3] Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất 2% tháng theo giấy nhận nợ của bị đơn để tính lãi và buộc bị đơn trả số nợ này cho nguyên đơn là không đúng quy định của Bộ luật dân sự năm 1995, 2005 và 2015. Bởi lẽ, tại Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vị phạm thì Hợp đồng đang thực hiện mà lãi, lãi suất

không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết; Hợp đồng đang thực hiện mà lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng như sau: Trước thời gian ngày 01/01/2006 thì áp dụng Bộ luật Dân sự năm 1995 để giải quyết và từ ngày 01/01/2006 đến 01/01/2017 thì áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[4] Tại khoản 1 Điều 473 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định: Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 50% của lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định đối với loại cho vay tương ứng; khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định đối với loại cho vay tương ứng; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Lãi suất vay do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20% năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan có quy định khác.

[5] Tiền lãi được tính cụ thể như sau: Tại Quyết định số 1746/2001/QĐ – NHNN ngày 01/12/2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất là 0,6875% tháng (8,25% năm), số tiền lãi được tính là 24.500.000 đồng x 0,6875% tháng (8,25% năm) x 55 tháng 11 ngày (từ ngày 20/4/2001 đến ngày 31/12/2005) : 2 (không vượt quá 50% lãi suất cơ bản của ngân hàng theo quy định tại Điều 473 của Bộ luật dân sự năm 1995) = 4.663.000 đồng; tại Quyết định số 2868/2010/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất là 9% năm, số tiền lãi được tính là 24.500.000 đồng x 13,5% năm (theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005) x 132 tháng (từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2016) = 36.382.500 đồng; theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20% năm của khoản tiền vay nên số tiền lãi là 24.500.000 đồng x 20% năm x 48 tháng 14 ngày (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 14/01/2021) = 19.749.743 đồng. Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 60.795.000 đồng.

[6] Từ phân tích tại các mục [3], [4] và [5] thấy Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn không đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của Trợ giúp viên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để sửa bản án sơ thẩm về khoản tiền lãi theo đúng quy định.

[7] Đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D về việc bản án sơ thẩm không tuyên "*Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm 25/9/2020 cho đến khi thi hành xong nợ lãi 98.000.000 đồng, hàng tháng bên phải thi hành án phải trả tiếp tiền lãi trên số tiền nợ lãi 98.000.000 đồng*" thấy; kháng cáo này của nguyên đơn không có căn cứ, vì giấy vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn lập ngày 20/4/2001 là vay có lãi và không xác định kỳ hạn, giữa hai bên không có điều khoản thỏa thuận phạt lãi chậm trả, mặt khác việc yêu cầu này của nguyên đơn dẫn đến nợ lãi chồng lãi là không đúng quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung kháng cáo yêu cầu bị đơn phải trả thêm tiền lãi phạt chậm trả tiền từ ngày 30/10/2019 đến ngày xét xử phúc thẩm, tuy nhiên yêu cầu này của nguyên đơn đã vượt quá phạm vi đơn kháng cáo, qua phân tích nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[8] Về án phí: Bị đơn là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bị đơn; Nguyên đơn kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin miễn án phí là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 309 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 473 của Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D về yêu cầu kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm 25/9/2020 cho đến khi thi hành xong nợ lãi 98.000.000 đồng, hàng tháng ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S phải trả tiếp tiền lãi trên số tiền nợ lãi 98.000.000 đồng. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S để sửa Bản án sơ thẩm số 11/2020/DS - ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy về tính tiền lãi và án phí vụ kiện.

2. Buộc ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S phải trả cho ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D 85.295.000 (*tám mươi lăm triệu, hai trăm chín lăm ngàn đồng*). Trong đó

nợ góc 24.500.000 đồng, nợ lãi 60.795.000 đồng (thời gian tính lãi từ ngày 20/4/2001 đến ngày 14/01/2021).

3. Về án phí: Ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S được miễn toàn bộ án phí vụ kiện; ông L, bà S được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0006177 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy. Ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D được miễn án phí dân sự phúc thẩm; ông Đ, bà D được nhận lại 3.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006153 ngày 02 tháng 11 năm 2020 và biên lai số 0006110 ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

4. Kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 cho đến khi trả hết nợ góc, ông Cao Khắc L, bà Đinh Thị S phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền góc chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 14/01/2021.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh QB (P9);
- TAND huyện Lệ Thủy;
- CC THADS huyện Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa